

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 2635/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Điện Biên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 tỉnh Điện Biên (đợt 5)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số 258NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 tỉnh Điện Biên;

Tiếp theo các Quyết định: số 2256/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025; số 875/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; số 1622/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; số 1871/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 nguồn vốn NSNN, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 3) nguồn vốn NSTW trong nước, tỉnh Điện Biên; số 2412/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 tỉnh Điện Biên (đợt 4);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3995/TTr-STC ngày 14/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 tỉnh Điện Biên với nội dung như sau:

I. Điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

1. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

- Bổ sung 05 danh mục dự án vào kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Điều chỉnh giảm 77.354 triệu đồng kế hoạch trung hạn của 05 dự án để tăng tương ứng cho 11 dự án.

(Chi tiết như Phụ biểu kèm theo)

2. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

- Bổ sung 07 danh mục dự án vào kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Điều chỉnh giảm 93.811 triệu đồng kế hoạch trung hạn của 40 dự án để tăng tương ứng cho 15 dự án.

(Chi tiết như Phụ biểu kèm theo)

II. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025

1. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

- Bổ sung 05 danh mục dự án vào kế hoạch vốn năm 2025.

- Điều chỉnh giảm 77.354 triệu đồng kế hoạch năm 2025 của 05 dự án để tăng tương ứng cho 11 dự án.

(Chi tiết như Phụ biểu kèm theo)

2. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

- Bổ sung 07 danh mục dự án vào kế hoạch vốn năm 2025.

- Điều chỉnh giảm 93.811 triệu đồng kế hoạch năm 2025 của 40 dự án để tăng tương ứng cho 15 dự án.

(Chi tiết như Phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ danh mục, mức vốn được điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các sở, ban ngành tỉnh; các đơn vị Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh bổ sung các nội dung tương ứng đã phê duyệt tại các Quyết định: số 2256/QĐ-UBND ngày 12/12/2024; số 875/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; số 1622/QĐ-UBND ngày 25/7/2025; số 1871/QĐ-UBND ngày 19/8/2025; số 2412/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 và các Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc các Ban QLDA chuyên ngành tỉnh; Giám đốc các Ban QLDA và PTQĐ khu vực; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh (b/c);
- LĐ UBND tỉnh;
- LĐVP + CV các khối;
- Lưu: VT, TCHCQT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Lê Thành Đô

Phụ biểu

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 5)

(Kèm theo Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ		13.764.255	6.137.482	2.481.418	988.000	488.933	171.165	171.165	2.481.418	988.000	
A	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		1.301.400	750.283	228.529	170.000	49.823	77.354	77.354	228.529	170.000	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		613.000	153.883	93.883	73.883	24.865	0	8.883	85.000	65.000	
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tầu)	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021; 1386/QĐ-UBND 11/8/2022	550.000	90.883	30.883	10.883			3.883	27.000	7.000	Dự án đang quyết toán
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên Phủ)	119/HĐND-KTNS ngày 12/6/2017; 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	63.000	63.000	63.000	63.000	24.865		5.000	58.000	58.000	Dự án đã hoàn thành; Hoàn ứng quỹ phát triển đất
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		643.400	551.400	134.146	95.617	24.958	73.854	68.471	139.529	101.000	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		643.400	551.400	134.146	95.617	24.958	73.854	68.471	139.529	101.000	
1	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	2200/QĐ-UBND 01/12/2022	195.000	145.000	45.000	38.971			38.971	6.029	0	tạm dừng
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	1047/QĐ-UBND 16/6/2022	200.000	200.000	11.000	5.000			5.000	6.000	0	Chưa triển khai thi công
3	Sân vận động huyện Tuần Giáo (nay là xã Tuần Giáo)	2046/QĐ-UBND 12/11/2024	44.500	24.500	24.500	24.500			24.500	0	0	tạm dừng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên Phủ)	2123/QĐ-UBND 22/12/2023	14.950	12.450	2.500	2.500	2.425	11.854		14.354	14.354	Dự án đã hoàn thành
5	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non số 2 xã Pá Khoang (nay là xã Mường Phăng)	2122/QĐ-UBND 22/12/2023	14.900	12.400	2.500	2.500	2.500	11.804		14.304	14.304	Dự án đã hoàn thành
6	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Thanh,thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Mường Thanh)	2200/QĐ-UBND 29/12/2023	9.000	6.500	2.500	2.500	2.337	5.904		8.404	8.404	Dự án đã hoàn thành
7	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Sơn Ca, thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên)	2199/QĐ-UBND 29/12/2023	11.150	8.650	2.500	2.500	2.483	8.054		10.554	10.554	Dự án đã hoàn thành
8	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Nà Bùng	760/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.800	14.800	2.500	2.500	1.811			2.500	2.500	
9	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS xã Phìn Hồ (nay là xã Si Pa Phìn)	761/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.700	14.700	2.500	2.500	1.949			2.500	2.500	
10	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT Tiểu học Na Cô Sa (nay là xã Quảng Lâm)	762/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.500	14.500	2.500	2.500	1.965			2.500	2.500	
11	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Tân Phong, xã Si Pa Phìn	763/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.900	14.900	2.146	2.146	2.146			2.146	2.146	
12	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Hừa Ngải (nay là xã Pa Ham)	741QĐ-UBND ngày 16/4/2025	14.800	14.800	2.500	2.500	2.500			2.500	2.500	
13	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Na Sang	742QĐ-UBND ngày 16/4/2025	14.900	14.900	2.500	2.500	2.343			2.500	2.500	
14	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Hừa Ngải (nay là xã Pa Ham)	743QĐ-UBND ngày 16/4/2025	14.800	14.800	2.500	2.500	2.500			2.500	2.500	
15	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2774/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.000	13.000	13.000			12.948		25.948	12.948	Hoàn ứng NSDP: 8.000trđ
16	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Nậm Pồ, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2773/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.500	13.500	13.500			13.190		26.690	13.190	Hoàn ứng NSDP: 8.000trđ
	Danh mục dự án bổ sung mới											
17	Trụ sở làm việc Công an các xã: Sá Tổng, Huổi Lêng, Hừa Ngải, Huổi Mí thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2784/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	6.000				5.000		5.000	5.000	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	Trụ sở làm việc Công an các xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Quài Cang, Quài Nưa thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	2789/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	6.000				5.100		5.100	5.100	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030		45.000	45.000	500	500	0	3.500	0	4.000	4.000	
1	Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản tỉnh Điện Biên	197/NQ-HĐND 4/11/2024	45.000	45.000	500	500				500	500	
	Danh mục dự án bổ sung mới											
2	Rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050							2.000		2.000	2.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Sơn La - Điện Biên đoạn qua địa phận tỉnh Điện Biên							1.000		1.000	1.000	CBĐT
4	Dự án nâng cấp đường từ Quốc lộ 12 đến cửa khẩu A Pa Chải							500		500	500	CBĐT
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm tiền đất theo NQ 34)		12.306.319	5.260.007	2.187.822	786.000	422.807	93.811	93.811	2.187.822	786.000	
I	Dự phòng (10%) còn lại chưa phân bổ				0	0						
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý (đã chuyển về cấp tỉnh)		1.291.817	981.631	415.516	196.498	134.044	0	18.566	396.950	177.932	
1	Thành phố Điện Biên Phủ (cũ)		105.042	100.042	35.816	20.922	17.926	0	2.515	33.301	18.407	
	Nâng cấp, xây dựng chợ C13 giai đoạn II P. Thanh Trường (nay là phường Điện Biên Phủ)	Quyết định số 4725, ngày 14/12/2021	13.442	13.442	9.578	3.225	3.118			9.578	3.225	
	Đường bê tông liên bản Nà Pen lên Nậm Khẩu Hú xã Nà Nhạn (nay là xã Mường Phăng)	Quyết định số 4722, ngày 14/12/2021	11.000	11.000	2.764	2.518	2.518			2.764	2.518	
	Sửa chữa công viên (Noong Bua, Nậm Rôm, Khe Chít)	322/QĐ-UBND; 21/3/2023	9.000	9.000	9.000	7.470	6.245		1.224	7.776	6.246	hết nhu cầu
	Kè bảo vệ khu dân cư và lúa 2 vụ bản Đông Mệt 1, 2 giai đoạn I, xã Pá Khoang (nay là xã Mường Phăng)	Quyết định số 4727, ngày 14/12/2021	14.900	14.900	10.390	3.625	3.625			10.390	3.625	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường THCS Thanh Bình thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên Phủ)	2123/QĐ-UBND tỉnh; 22/12/2023	14.950	14.950	596	596	596			596	596	
	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Sơn Ca thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên)	2199/QĐ-UBND tỉnh; 29/12/2023	11.150	11.150	596	596	593			596	596	
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Mầm non số 2, xã Pá Khoang (nay là xã Mường Phăng)	2122/QĐ-UBND tỉnh; 22/12/2023	14.900	14.900	596	596	596			596	596	
	Nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng bản Phiêng Lơi, xã Thanh Minh (nay là phường Điện Biên Phủ)	QĐ1614, ngày 30/8/2024	6.700	1.700	1.700	1.700	69		1.291	409	409	Giải ngân chậm
	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Mường Thanh)	2123/QĐ-UBND tỉnh; 29/12/2023	9.000	9.000	596	596	567			596	596	
2	Huyện Điện Biên (cũ)		170.081	103.745	50.712	25.460	16.273	0	390	50.322	25.070	
	Đường vào trung tâm huyện Điện Biên (GĐII) (nay là phường Mường Thanh)	505/QĐ-UBND, ngày 29/3/2023	14.800	14.800	14.644	4.670	939		270	14.374	4.400	hết nhu cầu
	Thủy lợi bản Nậm Hẹ 1, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên (nay là xã Núa Ngam)	2548/QĐ-UBND, ngày 12/8/2022	1.682	84	56	5	0			56	5	
	Kiên cố kênh tưới, tiêu từ bản Na Khưa xã Thanh Chân đến suối Hồng Sóng xã Thanh Yên	1091/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	13.500	3.520	3.206	448	448			3.206	448	
	Sân nền giai đoạn II, kè chống sạt lở, nắn dòng suối bản Pa Xa Xá, xã pa Thơm (nay là xã Thanh Yên)	1333/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023	7.225	7.225	6.867	2.535	2.489			6.867	2.535	
	Sân vận động huyện Điện Biên (nay là phường Mường Thanh)	1863/QĐ-UBND, ngày 06/10/2022	30.000	15.000	14.138	6.000	1.846		0	14.138	6.000	
	Sửa chữa, nâng cấp đường vào trung tâm huyện, hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông, điện chiếu sáng, chỉnh trang nội thị huyện Điện Biên (nay là phường Mường Thanh)	102/QĐ-UBND, ngày 20/01/2025	13.000	4.200	4.191	4.191	4.191			4.191	4.191	
	Các hạng mục phụ trợ sân vận động huyện Điện Biên (nay là phường Mường Thanh)	193/QĐ-UBND, ngày 14/02/2025	6.000	1.650	1.650	1.650	1.650			1.650	1.650	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Cải tạo cục bộ tuyến từ QL 279c đến bản Huổi Không (km0- km03) xã Mường Lói, huyện Điện Biên (nay là xã Mường Nhà)	197/QĐ-UBND, ngày 14/02/2025	4.000	1.192	1.150	1.150	1.117			1.150	1.150	
	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa)	26/QĐ-UBND, ngày 07/01/2025	14.900	3.000	300	300	0			300	300	
	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học và trung học cơ sở xã Sam Mứn, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh An)	68/QĐ-UBND, ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh	14.900	3.000	300	300	0			300	300	
	Đường giao thông nội bản Sam Phương, bản Phú xã Noong Hẹt huyện Điện Biên (nay là xã Thanh An)	214/QĐ-UBND, ngày 24/10/2024	1.107	1.107	1.087	1.087	1.071		6	1.081	1.081	hết nhu cầu
	Xây dựng nối tiếp hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời từ QL279 đi trung tâm xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh An)	QĐ 421/QĐ-UBND, ngày 14/3/2025	467	467	476	476	0			476	476	
	Đường BT các tuyến nhánh từ nhà: ông Yên đến ông Tâm và ông Sỹ đến ông Dọn Bản Mớ; ông Trường đến ông Dương và ông Sen đến bà Khuất thôn Duyên Long; ông Bình đến điểm trường MN và từ SVD qua NVH Bản Phú; ông Chí đến ông Hải và ông Cường đến ông Hời thôn Sam Phương xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh An)	231/QĐ-UBND, ngày 22/11/2024	1.000	1.000	944	944	933			944	944	
	Đài tưởng niệm công viên cây xanh hồ điều hòa và các hạng mục phụ trợ TT huyện lỵ tại xã thanh Xương h ĐB (giai đoạn II) (nay là phường Mường Thanh)		21.000	21.000	337	337	337			337	337	
	Trụ sở xã Thanh An	130/QĐ-UBND, ngày 21/01/2025	10.400	10.400	509	509	464		44	465	465	hết nhu cầu
	Trụ sở xã Thanh Luông, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa)	210/QĐ-UBND, ngày 22/10/2024	7.000	7.000	374	374	344		30	344	344	hết nhu cầu
	Trụ sở xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa)	129/QĐ-UBND, ngày 21/01/2025	9.100	9.100	484	484	444		40	444	444	hết nhu cầu
3	Huyện Tuần Giáo (cũ)		101.450	101.450	85.947	24.526	15.362	0	4.350	81.597	20.176	
	Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo (nay là xã Tuần Giáo)	Số 77/QĐ-UBND ngày 18/08/2021	33.000	33.000	29.217	3.725	12		2.968	26.249	757	Giải ngân chậm

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Đường từ ngằm Chiềng An đến khối Đoàn Kết (nay là xã Tuần Giáo)	Số 76/QĐ-UBND ngày 16/08/2021	40.000	40.000	37.081	7.152	5.380			37.081	7.152	
	Hạ tầng khu đất Phòng Văn hóa + Bãi chiếu phim + Thiết bị sách (nay là xã Tuần Giáo)	147/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.500	13.500	9.000	6.000	3.418		1.382	7.618	4.618	Giải ngân chậm
	Hạ tầng nút giao thông ngã ba khu vực dốc Đò thị trấn Tuần Giáo (nay là xã Tuần Giáo)	146/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	14.950	14.950	10.649	7.649	6.551			10.649	7.649	
4	Huyện Điện Biên Đông (cũ)		72.080	67.080	64.030	21.463	14.531	0	5.222	58.808	16.241	
	Trụ sở đảng ủy - HĐND - UBND xã Tia Dình	2722/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	10.000	10.000	9.667	5.467	5.434			9.667	5.467	
	Điện sinh hoạt trung tâm hành chính xã Tia Dình	2723/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	3.000	3.000	2.670	330	313			2.670	330	
	Tôn tạo sân vận động thị trấn Điện Biên Đông (nay là xã Na Son)	2040/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	8.000	8.000	7.594	5.988	5.939			7.594	5.988	
	Kè sau trường Trần Can (giai đoạn 2) (nay là xã Na Son)	441/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	1.980	1.980	1.964	1.964	1.896			1.964	1.964	
	Sân ủi MB khu vực đầu nguồn hồ NSH thị trấn ĐBĐ (nay là xã Na Son)	2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	40.000	35.000	39.679	5.863	527		4.163	35.516	1.700	Giải ngân chậm
	Nâng cấp đường giao thông tổ 2 - Tổ 1 thị trấn Điện Biên Đông (Giai đoạn 1) (nay là xã Na Son)	2724/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	9.100	9.100	2.456	1.851	421		1.059	1.397	792	Giải ngân chậm
5	Huyện Mường Ảng (cũ)		459.870	238.870	50.101	16.144	15.481	0	155	49.946	15.989	
	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	1791 ngày 1/10/2021; 927 ngày 7/6/2022	44.600	44.600	11.596	3.000	3.000			11.596	3.000	
	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	3135 ngày 29/11/2021	20.000	20.000	9.940	2.940	2.775		46	9.894	2.894	hết nhu cầu
	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tốc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II) (nay là xã Mường Ảng)	1705 ngày 17/9/2021	39.800	39.800	6.720	4.720	4.720			6.720	4.720	
	Chợ trung tâm xã Búng Lao	3275 ngày 17/8/2022	7.000	7.000	6.986	24	24			6.986	24	
	Sửa chữa và xây dựng phòng làm việc trụ sở xã Mường Đăng (nay là xã Nà Tấu)	2416, ngày 26/7/2024	2.280	2.280	2.109	1.609	1.580		28	2.081	1.581	hết nhu cầu

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nhà văn hóa bán Pong, xã Mường Đăng (nay là xã Nà Tấu)	2417, ngày 26/7/2024	1.730	1.730	1.730	1.430	1.348		81	1.649	1.349	hết nhu cầu
	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	4934, ngày 28/12/2023	3.460	3.460	3.323	2.223	1.835			3.323	2.223	
	Hồ chứa nước Ảng Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	1852 ngày 13/10/2009	341.000	120.000	7.697	198	198			7.697	198	
6	Huyện Mường Nhé (cũ)		32.900	32.900	30.699	20.965	11.178	0	2.422	28.277	18.543	
	Cầu bê tông qua ngã ba suối dưới bản Sen Thượng, xã Sen Thượng (nay là xã Sín Thầu)	642 ngày 8/4/2022	10.900	10.900	10.900	5.900	3.177		2.422	8.478	3.478	hết nhu cầu
	Đường Nậm Mỹ - Nậm Hính 2, xã Huổi Léch (nay là xã Mường Toong)	1239 ngày 01/11/2022	22.000	22.000	19.799	15.065	8.002			19.799	15.065	
7	Huyện Mường Chà (cũ)		163.400	154.400	20.172	20.172	11.008	0	2.575	17.597	17.597	
	Nâng cấp, sửa chữa NSH bán Huổi Bon, xã Pa Ham	2984b-15/ 9/2021; 8157; 11/11/2024	3.000	3.000	791	791	774			791	791	
	Sửa chữa nước sinh hoạt bán Na Pheo, xã Na Sang	2980b-14/ 9/2021; 8158; 11/11/2024	2.500	2.500	375	375	361			375	375	
	Nhà văn hóa các bản Nậm Nền 1, Phiêng Đất A, xã Nậm Nền	8279; 27/1/2024	3.000	3.000	2.897	2.897	1.000			2.897	2.897	
	Nhà Văn hóa xã Pa Ham	8280; 27/1/2024	3.000	3.000	2.922	2.922	1.952			2.922	2.922	
	Đường bê tông QL12-bản Co Đũa, xã Na Sang	1008; 28/3/2025	6.000	6.000	4.200	4.200	2.006		1.354	2.846	2.846	Giải ngân chậm
	Nước sinh hoạt bán Huổi Xuân, Huổi xư + NSH cụm 1 bản Huổi Lóng, xã Na Sang	1300; 25/4/2025	6.500	6.500	4.534	4.534	2.406		1.221	3.313	3.313	Giải ngân chậm
	Cải tạo nâng cấp Trường PTDTBT THCS Na	742; 16/4/2025	14.900	14.900	600	600	600			600	600	
	Nâng cấp trường mầm non xã Hừa Ngải (nay là xã Pa Ham)	743; 16/4/2025	14.800	14.800	1.000	1.000	955			1.000	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Hừa Ngải (nay là xã Pa Ham)	741; 16/4/2025	14.800	14.800	1.000	1.000	953			1.000	1.000	
	Hỗ trợ nhà ở	826; 19/3/2025	10.000	1.000	1.000	1.000				1.000	1.000	
	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Pó - bản Huổi Hạ, xã Na Sang	1940; 28/10/2024	14.900	14.900	300	300				300	300	
	Đường giao thông từ bản Háng Mùa Lừ kết nối với trục đường đến trung tâm xã Sá Tổng (nay là phường Mường Lay)	1938; 28/10/2024	70.000	70.000	553	553				553	553	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Huyện Tòa Chùa (cũ)		26.635	26.635	24.889	17.551	14.198	0	51	24.838	17.500	
	Trung tâm Thông tin du lịch và giới thiệu sản phẩm huyện Tòa Chùa (nay là xã Tòa Chùa)				595	95	61			595	95	
	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy Tòa Chùa (nay là xã Tòa Chùa)				2.339	2.239	2.154			2.339	2.239	
	Nâng cấp, sửa chữa Nhà tập luyện và thi đấu, Trung tâm Hội nghị huyện Tòa Chùa (nay là xã Tòa Chùa)	1792 ngày 4/5/2024	6.860	6.860	6.450	1.317	1.316			6.450	1.317	
	Hạ tầng khu luyện tập tổng hợp huyện Tòa Chùa (nay là xã Tòa Chùa)	4907 ngày 30/10/2024	4.000	4.000	3.747	2.737	1.699			3.747	2.737	
	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và UBND xã Huổi Sô (nay là xã Tòa Thàng)	4653 ngày 02/10/2024	7.000	7.000	6.645	6.350	5.964		3	6.642	6.347	hết nhu cầu
	Nâng cấp các tuyến đường nội thôn xã Mường Đun, huyện Tòa Chùa (nay là xã Sáng Nhè)	5663 ngày 30/12/2024	3.500	3.500	3.345	3.215	1.944			3.345	3.215	
	Sửa chữa, nâng cấp công trình phụ trợ UBND xã Tòa Thàng	106 ngày 24/1/2025	1.000	1.000	56	56	55			56	56	
	Đường vào sân vận động huyện Tòa Chùa (nay là xã Tòa Chùa)	5664 ngày 30/12/2024	4.275	4.275	1.712	1.542	1.005		48	1.664	1.494	hết nhu cầu
9	Huyện Nậm Pồ (cũ)		140.890	137.040	33.681	22.589	12.517	0	874	32.807	21.715	
	Nâng cấp, mở rộng khu tổ chức lễ hội xuân Phìn Hồ huyện Nậm Pồ (nay là xã Nà Hỳ)	850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	13.000	9.150	11.380	1.294	392		847	10.533	447	hết nhu cầu
	Thủy lợi Phiêng Cù xã Chà Cang (nay là xã Mường Chà)	4220/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	4.000	4.000	4.000	3.600	3.252		27	3.973	3.573	hết nhu cầu
	Nâng Cấp đường vào bản Nậm Chua 1,3 xã Nậm Nhừ (nay là xã Nà Hỳ)	4287/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	14.990	14.990	14.734	14.128	6.806			14.734	14.128	
	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT tiểu học xã Nà Bùng	QĐ 760/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.800	14.800	500	500				500	500	
	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ (nay là xã Si Pa Phìn)	QĐ 761/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.700	14.700	500	500				500	500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT tiểu học Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (nay là xã Quảng Lâm)	QĐ 762/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.500	14.500	500	500				500	500	
	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Tân Phong, xã Si Pa Phìn	QĐ 763/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.900	14.900	500	500	500			500	500	
	Đầu tư Nâng cấp đường liên bản Huổi Khương - Huổi Đạo , xã Vàng Dán (nay là xã Nà Búng)	QĐ 227/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	50.000	50.000	1.567	1.567	1.567			1.567	1.567	
10	Thị xã Mường Lay (cũ)		19.469	19.469	19.469	6.706	5.571	0	12	19.457	6.694	
	Cầu, đường giao thông bản Ló - bản Lé xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay (nay là Phường Mường Lay)	009/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thị xã Mường Lay	7.500	7.500	7.544	44	43			7.544	44	
	Xây dựng trường Tiểu học Lay Nưa, thị xã Mường Lay (nay là Phường Mường Lay)	973/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND thị xã Mường Lay	7.500	7.500	7.383	4.986	4.986			7.383	4.986	
	Thao trường huấn luyện thị xã Mường Lay (giai đoạn I) (nay là Phường Mường Lay)	973/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND thị xã Mường Lay	2.807	2.807	2.807	0				2.807	0	
	Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 khu vực xuất phát môn dù lượn thị xã Mường Lay (nay là Phường Mường Lay)	979/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND thị xã Mường Lay	165	165	165	155	143		12	153	143	hết nhu cầu
	Xây dựng khu vực xuất phát môn dù lượn thị xã Mường Lay (nay là Phường Mường Lay)	1094/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thị xã Mường Lay	1.497	1.497	1.570	1.521	399			1.570	1.521	
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		11.014.502	4.278.376	1.772.306	589.502	288.763	93.811	75.245	1.790.872	608.068	
III.1	Trả phí vay, lãi vay, vay lại (bao gồm cả bồi chi NSDP)				292.432	65.000	10.562			292.432	65.000	
1	Trả lãi vay				0	0				0	0	
2	Vay để trả nợ gốc (vay lại)				78.232	9.800				78.232	9.800	
3	Vay để bù đắp bồi chi (bồi chi NSDP)				214.200	55.200	10.562			214.200	55.200	
III.3	Dự án phân theo ngành/lĩnh vực		11.014.502	4.278.376	1.479.874	524.502	278.201	93.811	75.245	1.498.440	543.068	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
(1)	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng		181.000	92.000	76.762	13.762	3.332	0	300	76.462	13.462	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		181.000	92.000	76.762	13.762	3.332	0	300	76.462	13.462	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		181.000	92.000	76.762	13.762	3.332	0	300	76.462	13.462	
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	1499/QĐ-UBND 14/9/2023	10.500	10.500	10.000	4.000	3.332		300	9.700	3.700	hết nhu cầu
2	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	57.000	59.762	2.762				59.762	2.762	
c)	Dự án bổ sung mới				0	0				0	0	
1	Trận địa phòng không các hạng mục bảo trợ của huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (nay là xã Na Son)	370/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	9.600	9.600	4.000	4.000				4.000	4.000	
2	Nhà ăn, nhà bếp dBB1, e741, Bộ CHQS tỉnh	1272/QĐ/UBND ngày 25/06/2025	14.900	14.900	3.000	3.000				3.000	3.000	
(2)	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội		166.652	119.750	35.309	11.665	10.965	76.811	0	112.120	88.476	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		166.652	119.750	35.309	11.665	10.965	76.811	0	112.120	88.476	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		166.652	119.750	35.309	11.665	10.965	76.811	0	112.120	88.476	
1	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	1381/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000	2.500	2.500	7.875		11.875	10.375	dự án đã hoàn thành
2	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	1383/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000	2.500	2.500	7.950		11.950	10.450	dự án đã hoàn thành
3	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	1382/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	14.950	14.950	4.965	3.465	3.465	9.933		14.898	13.398	dự án đã hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	1384/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000	2.500	2.500	7.958		11.958	10.458	dự án đã hoàn thành
5	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2772/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	14.000	14.000	13.797			142		13.939	142	dự án đã hoàn thành
6	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2771/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	4.000	4.000	3.847			153		4.000	153	Bổ trí vốn còn thiếu sau quyết toán
7	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thị xã Mường Lay (nay là Phường Mường Lay)	81/QĐ-CAT-PH10 ngày 30/3/2025	1.500	1.500	700	700				700	700	
Danh mục dự án bổ sung mới												
8	Trụ sở làm việc Công an xã Nà Nhạn thuộc thành phố Điện Biên Phủ, Công an xã Pú Hông thuộc huyện Điện Biên Đông và Công an các xã: Hẹ Muông, Sam Mứn thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2781/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.402	6.000				5.945		5.945	5.945	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
9	Trụ sở làm việc Công an các xã: Núa Ngam, Noong Hẹt, Noong Luống, Thanh An thuộc huyện Điện Biên và Công an xã Chiềng Sơ thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	2782/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450				7.353		7.353	7.353	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
10	Trụ sở làm việc Công an các xã: Keo Lô, Na Son, Noong U, Tia Đình, Xa Dung thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	2783/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450				7.276		7.276	7.276	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Khẩn thuộc huyện Nậm Pồ, Công an xã Chung Chải thuộc huyện Mường Nhé và Công an các xã: Sín Chải, Lao Xả Phình thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	2785/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	7.500				7.300		7.300	7.300	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
12	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tả Phìn, Huổi Xố, Sính Phình, Trung Thu thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	2786/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	6.000				5.820		5.820	5.820	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
13	Trụ sở làm việc Công an các xã: Rạng Đông, Nà Tông, Phình Sáng, Pú Nhung, Tênh Phông thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	2787/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450				7.342		7.342	7.342	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
14	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tỏa Tình, Mường Khoong, Nà Sáy, Mường Mùn, Pú Xi thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	2788/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450				1.764		1.764	1.764	Bổ sung mới dự án đã hoàn thành
(3)	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		667.000	311.468	193.428	98.518	58.245	0	139	193.289	98.379	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		667.000	311.468	193.428	98.518	58.245	0	139	193.289	98.379	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		259.400	138.868	121.104	31.194	28.898	0	139	120.965	31.055	
1	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1) (nay là xã Mường Luân)	2203/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	27.800	11.300	11.300			27.800	11.300	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	14.116	2.606,3	2.423,4			14.116	2.606	
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên (nay là Phường Mường Thanh)	1957/QĐ-UBND 30/11/2023	20.000	20.000	19.803	1.602,7	1.228,7			19.803	1.603	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông (nay là xã Na Son)	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	14.040	3.340	3.283			14.040	3.340	
5	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa (nay là xã Sáng Nhè)	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	18.092	5.092	4.952		139	17.953	4.953	hết nhu cầu
6	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	1678/ QĐ-UBND ngày 14/9/2021	80.000	26.868	25.794	5.794	4.252			25.794	5.794	
7	Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	302/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	70.000	5.000	1.459	1.459	1.459			1.459	1.459	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		407.600	172.600	72.324	67.324	29.347	0	0	72.324	67.324	
1	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	77/QĐ-UBND 16/1/2024	50.000	50.000	30.000	25.000	9.799			30.000	25.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa)	26/QĐ-UBND 07/01/2025	14.900	11.900	9.000	9.000	7.661			9.000	9.000	
3	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học số 2 xã Na Tông, huyện Điện Biên (nay là xã Núa Ngam)	67/QĐ-UBND 13/01/2025	14.900	11.900	500	500	500			500	500	
4	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Luông, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa)	27/QĐ-UBND 07/01/2025	14.900	11.900	9.000	9.000	3.500			9.000	9.000	
5	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non số 2 Na Tông, huyện Điện Biên (nay là xã Núa Ngam)	66/QĐ-UBND 13/01/2025	14.900	11.900	500	500	500			500	500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học và trung học cơ sở xã Sam Mứn, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh An)	68/QĐ-UBND 13/01/2025	14.900	11.900	8.500	8.500	7.386			8.500	8.500	
7	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Thanh Chấn (nay là xã Thanh Nưa)	2124/QĐ-UBND 18/9/2025	14.800	14.800	3.000	3.000				3.000	3.000	
8	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT huyện Điện Biên (nay là Phường Mường Thanh)	1382/QĐ-UBND 30/6/2025	14.800	14.800	3.000	3.000				3.000	3.000	
9	Trường Liên cấp Tiểu học, Trung học cơ sở xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên	1928/QĐ-UBND 27/8/2025	228.500	8.500	8.500	8.500				8.500	8.500	GPMB
10	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Mường Mùn	2114/QĐ-UBND 17/9/2025	25.000	25.000	324	324				324	324	
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030				0							
(4)	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ		18.002	18.002	12.299	6.400	0	0	3.256	9.043	3.144	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		18.002	18.002	12.299	6.400	0	0	3.256	9.043	3.144	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		7.000	7.000	6.800	901	0	0	881	5.919	20	
1	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	2175/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	6.800	901			881	5.919	20	hết nhu cầu
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		11.002	11.002	5.499	5.499	0	0	2.375	3.124	3.124	
1	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Điện Biên	2086a/QĐ-UBND 15/11/2024	11.002	11.002	5.499	5.499			2.375	3.124	3.124	Giải ngân chậm
(5)	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình		356.360	90.433	81.038	28.746	20.987	0	0	81.038	28.746	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		131.695	25.000	24.007	9.007	3.526	0	0	24.007	9.007	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Giai đoạn II - Cải tạo nâng cấp BVĐK tỉnh giai đoạn II (từ 300 lên 500 GB)	1343/QĐ-UBND 9/11/2010; 1114/QĐ-UBND 30/10/2017; 489/QĐ-UBND 27/5/2020; 1206/QĐ-UBND 19/11/2020; QĐ 648/QĐ-UBND 10/4/2022	131.695	25.000	24.007	9.007	3.526			24.007	9.007	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		216.665	57.433	56.531	19.239	16.985	0	0	56.531	19.239	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		216.665	57.433	56.531	19.239	16.985	0	0	56.531	19.239	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433	6.260	4.259			15.433	6.260	
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông (nay là xã Na Son)	1123 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	28.000	14.000	13.770	1.770	1.747			13.770	1.770	
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	3005/QĐ-UBND 19/11/2021	28.000	28.000	27.328	11.209	10.979			27.328	11.209	
(3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030		8.000	8.000	500	500	477	0	0	500	500	
1	Cải tạo, sửa chữa TTYT thị xã Mường Lay (nay là Phường Mường Lay)	31/QĐ-UBND 08/01/2025	8.000	8.000	500	500	477			500	500	
(7)	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn		1.600	1.600	1.669	74	73	0	0	1.669	74	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.600	1.600	1.669	74	73	0	0	1.669	74	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		1.600	1.600	1.669	74	73	0	0	1.669	74	
1	Duy tu sửa chữa tháp an ten truyền hình cao 125m	1410/QĐ-UBND 5/9/2023	1.600	1.600	1.669	74	73			1.669	74	
(8)	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao		30.000	15.000	15.000	8.000	8.000	0	0	15.000	8.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		30.000	15.000	15.000	8.000	8.000	0	0	15.000	8.000	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		30.000	15.000	15.000	8.000	8.000	0	0	15.000	8.000	
1	Sân vận động huyện Điện Biên (nay là phường Mường Thanh)	1863/QĐ-UBND 06/10/2022	30.000	15.000	15.000	8.000	8.000			15.000	8.000	
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường		2.869.698	345.720	7.705	7.705	4.596	0	2.109	5.596	5.596	
1)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030		2.869.698	345.720	7.705	7.705	4.596	0	2.109	5.596	5.596	
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng thiên tai, tỉnh Điện Biên	981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022	1.480.000	340.720	2.705	2.705	2.705			2.705	2.705	
2	Dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	1139/QĐ-UBND 06/6/2025	1.389.698	5.000	5.000	5.000	1.891		2.109	2.891	2.891	Giải ngân chậm
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		6.526.087	3.185.748	962.279	327.732	156.143	17.000	68.568	910.711	276.164	
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		439.816	266.916	150.174	54.014	34.321	17.000	8.743	158.431	62.271	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		60.000	60.000	49.974	1.764	1.437	0	0	49.974	1.764	
1	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ	1119/QĐ-UBND 30/10/2019; 92/QĐ-UBND 18/01/2022	60.000	60.000	49.974	1.764	1.437			49.974	1.764	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		379.816	206.916	100.200	52.250	32.884	17.000	8.743	108.457	60.507	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		379.816	206.916	100.200	52.250	32.884	17.000	8.743	108.457	60.507	
1	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Nậm Ngám - Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông (nay là xã Pu	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800	14.800	8.473		3.028	23.772	11.772	Giải ngân chậm

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	28.600	16.600	10.111	7.000		35.600	23.600	
3	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa (nay là xã Sáng	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	16.800	4.800	4.800	10.000		26.800	14.800	
4	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	21.000	11.050	4.934		5.316	15.684	5.734	Giải ngân chậm
5	Thủy lợi khu khối 7, 8 và bản Co Có xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng (nay là xã Búng Lao)	1047/QĐ-UBND 3/7/2023	7.000	7.000	7.000	5.000	4.566		399	6.601	4.601	hết nhu cầu
10.2	Công nghiệp		1.199.000	180.000	128.190	34.723	28.330	0	1.227	126.963	33.496	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.199.000	180.000	128.190	34.723	28.330	0	1.227	126.963	33.496	
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	128.190	34.723	28.330		1.227	126.963	33.496	hết nhu cầu
10.3	Giao thông		4.478.211	2.344.632	397.831	128.240	33.237	0	41.874	355.957	86.366	
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.995.500	1.235.142	184.292	18.356	14.057	0	298	183.994	18.058	
1	Dự án Đường Na Sang Km146+200/QL12) - TT. xã Huổi Mí - Nậm Mực (Km452+300/QL6) - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phân đoạn Thị trấn Tủa Chùa - Nậm Mực - Huổi Mí)	591/QĐ-UBND 29/6/2017; 1267/QĐ-UBND, 11/12/2019	690.000	40.292	25.292	4.356	4.057		298	24.994	4.058	hết nhu cầu

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	1.100.000	1.100.000	155.000	10.000	10.000			155.000	10.000	
3	Nâng cấp đường vào Khu di tích Sở Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên.	2530/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	170.500	59.850				0		0	0	
4	Đường dân sinh Vàng Đán Đạo - Huổi Đạo, xã Vàng Đán huyện Nậm pồ (nay là xã Nà Búng)	Số 1373/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	35.000	35.000	4.000	4.000				4.000	4.000	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.459.850	440.409	200.939	98.484	13.209	0	41.376	159.563	57.108	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		1.459.850	440.409	200.939	98.484	13.209	0	41.376	159.563	57.108	
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021; 1816/QĐ-UBND 06/10/2021; 1728/QĐ-UBND 23/9/2024	1.300.000	320.000	97.979	62.224	12.763		40.735	57.244	21.489	Giải ngân chậm
2	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDTNT THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ (nay là xã Nà Hỳ)	Số 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	6.459	5.260	760	252		436	4.824	324	hết nhu cầu

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ (nay là xã Nà Hỳ)	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	38.600	400	194		205	38.395	195	hết nhu cầu
4	Cầu bê tông qua ngã ba suối dưới bản Sen Thượng xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé (nay là xã Sín Thầu)	642/QĐ-UBND 08/4/2022	35.000	24.100	24.100	100				24.100	100	
5	Sửa chữa hệ thống giao thông các trục: K, Đ6F-Đ8K, Đ5F-Đ7K, Đ4F-Đ6k, Đ3F-Đ5K, Đ2F-Đ4K, Đ3A-Đ3K, Đ2A-Đ2K trung tâm huyện Mường Nhé (nay là xã Mường Nhé)	2213/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	14.900	14.900	10.000	10.000				10.000	10.000	
6	Sửa chữa hệ thống giao thông các trục: Đ6F-Đ4D, Đ4F-Đ3D, Đ3A-Đ2D, Đ1A-Đ1Đ, Đ1C-Đ4C, Đ1H-Đ3H, Đ1G-Đ3G trung tâm huyện Mường Nhé (nay là xã Mường Nhé)	2212/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	14.800	14.800	12.000	12.000				12.000	12.000	
7	Đường giao thông Nà Pán - Trường PT DTNT (nay là xã Mường Nhé)	2630/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	14.950	14.950	9.000	9.000				9.000	9.000	
8	Sửa chữa kè chắn đất trục giao thông Đ2B-Đ3B và cầu Nà Pán trung tâm huyện Mường Nhé (nay là xã Mường Nhé)	2871/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	6.200	6.200	4.000	4.000				4.000	4.000	
(3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030		1.022.861	669.081	12.600	11.400	5.971	0	200	12.400	11.200	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP (nay là phường Điện Biên Phủ)		25.000	25.000	400	200			200	200	0	hết nhu cầu
2	Đường giao thông bản Háng Mùa Lừ kết nối với trục đường đến trung tâm xã Sá Tổng, huyện Mường Chà (nay là phường Mường Lay)	1938/QĐ-UBND 28/10/2024; 481/QĐ-UBND 5/3/2025	70.000	70.000	500	500				500	500	
3	Đường nội thị giai đoạn 3 huyện Điện Biên (nay là phường Mường Thanh)	2331/QĐ-UBND 20/12/2024	39.900	36.900	500	500	315			500	500	

23

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Pồ - bản Huổi Hạ, xã Na Sang	1940/QĐ-UBND 28/10/2024	14.900	11.900	200	200				200	200	
5	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé (nay là xã Sín Thầu)	1746/QĐ-UBND 06/8/2025	138.000	138.000	6.500	6.000	3.314			6.500	6.000	
6	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xá Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà (nay là phường Mường Lay)	1419/QĐ-UBND 02/7/2025	39.500	39.500	3.500	3.000	1.642			3.500	3.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến quy hoạch Quốc lộ 12D, tỉnh Điện Biên	145/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	695.561	347.781	1.000	1.000	700			1.000	1.000	
10.5	Thương mại		14.500	14.500	8.506	7.506	4.320	0	0	8.506	7.506	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		14.500	14.500	8.506	7.506	4.320	0	0	8.506	7.506	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		14.500	14.500	8.506	7.506	4.320	0	0	8.506	7.506	
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	1203/QĐ-UBND 02/7/2024	14.500	14.500	5.506	4.506	4.320			5.506	4.506	
2	Mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ hoạt động cửa khẩu A Pa Chải				3.000	3.000				3.000	3.000	Chuẩn bị đầu tư
10.6	Cấp thoát nước		14.500	14.500	10.953	3.158	3.158	0	0	10.953	3.158	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		14.500	14.500	10.953	3.158	3.158	0	0	10.953	3.158	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		14.500	14.500	10.953	3.158	3.158	0	0	10.953	3.158	
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa (nay là xã Tủa Chùa)	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	10.953	3.158	3.158			10.953	3.158	
10.10	Công nghệ thông tin		17.000	17.000	16.700	8.000	7.342	0	0	16.700	8.000	

204

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		17.000	17.000	16.700	8.000	7.342	0	0	16.700	8.000	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		17.000	17.000	16.700	8.000	7.342	0	0	16.700	8.000	
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	2154/QĐ-UBND 24/11/2022	17.000	17.000	16.700	8.000	7.342			16.700	8.000	
10.11	Quy hoạch		460	460	486	36	36	0	0	486	36	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		460	460	486	36	36	0	0	486	36	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		460	460	486	36	36	0	0	486	36	
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng (nay là xã Búng Lao)	2789/QĐ-UBND 21/8/2023	460	460	486	36	36			486	36	
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		362.600	347.740	249.439	92.055	45.399	0	16.724	232.715	75.331	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		362.600	347.740	249.439	92.055	45.399	0	16.724	232.715	75.331	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		122.600	107.740	77.940	24.940	13.013	0	7.418	70.522	17.522	
1	Kè bảo vệ khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ Nậm Pồ (nay là xã Nà Hỷ)	859/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	39.800	39.800	30.600	18.600	7.462		7.418	23.182	11.182	Giải ngân chậm
2	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II) (nay là xã Mường Ảng)	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	31.640	640	640			31.640	640	
3	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên Phủ)	2204/QĐ-UBND 02/12/2022; 842/QĐ-UBND 02/5/2024	35.000	30.100	9.800	3.800	3.052			9.800	3.800	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước, sân vui chơi tổ dân phố 10, 11 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (nay là phường Mường Thanh)	3388/QĐ-UBND 31/12/2021	8.000	6.000	5.900	1.900	1.859			5.900	1.900	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		240.000	240.000	171.499	67.115	32.386	0	9.306	162.193	57.809	
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	1054/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	156.499	52.115	32.386		9.306	147.193	42.809	Giải ngân chậm
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân C1, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa)	1126/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	30.000	30.000	15.000	15.000				15.000	15.000	
(11)	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN		99.600	49.355	49.300	2.300	1.232	0	873	48.427	1.427	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		99.600	49.355	49.300	2.300	1.232	0	873	48.427	1.427	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		99.600	49.355	49.300	2.300	1.232	0	873	48.427	1.427	
1	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	1791/QĐ-UBND 01/10/2021; 927/QĐ-UBND 07/6/2023	44.600	29.355	29.300	1.300	849		256	29.044	1.044	hết nhu cầu
2	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc và công trình phụ trợ Hội Cựu chiến binh tỉnh	2037/QĐ-UBND 04/11/2022	55.000	20.000	20.000	1.000	383		617	19.383	383	Giải ngân chậm
(12)	Ngành/lĩnh vực: Xã hội		9.500	9.500	9.485	0	0	0	0	9.485	0	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		9.500	9.500	9.485	0	0	0	0	9.485	0	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		9.500	9.500	9.485	0	0	0	0	9.485	0	

26

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	9.485	0				9.485	0	
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		89.003	39.800	35.600	19.600	14.628	0	0	35.600	19.600	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		89.003	39.800	35.600	19.600	14.628	0	0	35.600	19.600	
*	Đối ứng, lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		89.003	39.800	35.600	19.600	14.628	0	0	35.600	19.600	
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hẹt - Sam Mứn huyện Điện Biên (nay là xã Thanh An)	308/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	16.000	4.800	4.800	4.800	4.800			4.800	4.800	
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chấn - Thanh Yên huyện Điện Biên (nay là xã Thanh Nưa - Thanh Yên)	2209/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	17.703	5.311	5.311	5.311	5.311			5.311	5.311	
3	Kiên cố kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tân xã Noong Hẹt đến bản Na Vai, xã Pom Lót, huyện Điện Biên (nay là xã Sam Mứn)	2006/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	15.500	4.650	4.650	4.650	3.711			4.650	4.650	
4	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Nậm Cọ, huyện Điện Biên	841/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	39.800	25.039	20.839	4.839	806		0	20.839	4.839	
	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ hỗ trợ hợp tác xã	69/QĐ-UBND ngày 12/01/2024			0							
C	VỐN XỎ SỐ KIẾN THIẾT		156.536	127.192	65.067	32.000	16.303	0	0	65.067	32.000	
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		75.836	62.477	27.795	7.553	3.886	0	0	27.795	7.553	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		75.836	62.477	27.795	7.553	3.886	0	0	27.795	7.553	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		45.900	32.541	26.851	6.609	3.886	0	0	26.851	6.609	
2	Bổ sung, nâng cấp trường THCS xã Nà Tấu	3206/QĐ-UBND 10/12/2021	14.900	6.117	887	887	887			887	887	
4	Xây dựng Nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên (nay là trường Cao đẳng Điện Biên)	2050/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	3.000	2.895	95	94			2.895	95	
5	Cải tạo, sửa chữa khu giảng đường và hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên (nay là trường Cao đẳng Điện Biên)	1882/QĐ-UBND 20/11/2023	10.000	5.424	5.169	5.169	2.828			5.169	5.169	LG CTMTQG
6	Bổ sung cơ sở vật chất trường CĐ Sư phạm	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	7.920	78	77			7.920	78	
7	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề (nay là trường Cao đẳng Điện Biên)	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	9.980	380				9.980	380	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		29.936	29.936	944	944	0	0	0	944	944	
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1995/QĐ-UBND 6/11/2024	14.986	14.986	613	613				613	613	
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (nay là Phường Mường Thanh)	2066/QĐ-UBND 14/11/2024	14.950	14.950	331	331				331	331	
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế		45.200	29.215	23.525	11.600	7.924	0	0	23.525	11.600	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		45.200	29.215	23.525	11.600	7.924	0	0	23.525	11.600	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		45.200	29.215	23.525	11.600	7.924	0	0	23.525	11.600	
1	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quải Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo (nay là xã Chiềng Sinh, Tuần Giáo, Pú Nhung)	2036/QĐUBND 04/11/2022	7.600	7.600	7.334	4.000	2.006			7.334	4.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cáy, Ảng Nưa, Mường Đăng, Mường Lạn huyện Mường Ảng (nay là Nà Tấu, Mường Ảng, Mường Lạn)	1921/QĐUBND 14/10/2022	7.600	7.600	7.381	3.600	2.075			7.381	3.600	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được giao	Kế hoạch vốn năm 2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			KH vốn 2025 đã được giao	Giải ngân vốn năm 2025 đến hết 31/10/2025	Tăng	Giảm			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé (nay là xã Mường Nhé)	Quyết định số 1124 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	30.000	14.015	8.810	4.000	3.843			8.810	4.000	LG CTMTQG
III	Ngành/lĩnh vực: Khoa học công nghệ		8.000	8.000	387	387	0	0	0	387	387	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		8.000	8.000	387	387	0	0	0	387	387	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		8.000	8.000	387	387	0	0	0	387	387	
1	Xây dựng phòng thí nghiệm, thử nghiệm và thực nghiệm công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiến bộ khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên	2072/QĐ-UBND 15/11/2024	8.000	8.000	387	387				387	387	
IV	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới		27.500	27.500	13.360	12.460	4.493	0	0	13.360	12.460	
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		27.500	27.500	13.360	12.460	4.493	0	0	13.360	12.460	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		13.000	13.000	12.560	11.960	4.493	0	0	12.560	11.960	
2	Đường giao thông bản kéo, xã Pá Khoang, TP ĐBP (nay là xã Mường Phăng)	719/QĐ-UBND 10/04/2024	4.950	4.950	4.800	4.600	2.547			4.800	4.600	
3	Đường giao thông bản Hà, Xã Pá Khoang, TP ĐBP (nay là xã Mường Phăng)	724/QĐ-UBND 11/04/2024	4.500	4.500	4.350	4.150	1.000			4.350	4.150	
4	Đường giao thông bản Bó, Xã Pá khoang, TP ĐBP (nay là xã Mường Phăng)	718/QĐ-UBND 10/04/2024	3.550	3.550	3.410	3.210	945			3.410	3.210	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		14.500	14.500	800	500	0	0	0	800	500	
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng (nay là xã Mường Ảng)	1203/QĐ-UBND 02/7/2024	14.500	14.500	800	500				800	500	